

Số: **793** /BLĐTBXH-CTE
V/v hướng dẫn nhiệm vụ trọng tâm
công tác trẻ em năm 2024

Hà Nội, ngày **29** tháng **02** năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Nhằm bảo đảm trách nhiệm thực hiện quyền trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em của Ủy ban nhân dân các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức quy định tại Luật Trẻ em, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và các văn bản có liên quan, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn nhiệm vụ trọng tâm công tác trẻ em năm 2024 như sau:

1. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 28 CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về “tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”. Chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 và các chương trình, đề án về trẻ em. Xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để trẻ em phát triển toàn diện.

2. Tiếp tục triển khai có hiệu quả pháp luật, chính sách về chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em. Kiểm soát, kéo giảm số lượng trẻ em bị xâm hại, bảo đảm việc phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp kịp thời đối với trẻ em có nguy cơ bị xâm hại và trẻ em bị xâm hại. Xây dựng các quyết định của Ủy ban nhân dân, đề xuất các nghị quyết của Hội đồng nhân dân về chính sách và bố trí ngân sách, nhân lực cho công tác bảo vệ trẻ em, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Củng cố và phát triển hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em, xây dựng, thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành về quy trình hỗ trợ, can thiệp trường hợp trẻ em bị xâm hại. Mở rộng mạng lưới xã hội tham gia bảo vệ trẻ em, tăng cường vai trò, trách nhiệm của các thành viên mạng lưới trong việc thông tin, tố giác các hành vi xâm hại trẻ em.

3. Phát huy vai trò, cách làm sáng tạo của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, khuyến khích cá nhân, doanh nghiệp tham gia công tác chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em. Kết nối, định hướng các tổ chức, nhóm thiện nguyện hoạt động vì trẻ em để thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về vận động nguồn lực hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; xây dựng mô hình kết nghĩa giữa các tỉnh có các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi với các tỉnh, thành phố kinh tế phát triển để hỗ trợ trẻ em.

4. Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục pháp luật về quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em; nâng cao nhận thức, kỹ năng về xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ em. Truyền thông, tư vấn đến từng cộng đồng dân cư, gia đình, trường, lớp học về kỹ năng làm cha mẹ, kỹ năng sống cho trẻ em. Chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Công an cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan truyền thông về bảo vệ trẻ em, phòng ngừa xâm hại

trẻ em; giáo dục pháp luật, đạo đức lối sống để phòng ngừa trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật.

5. Tổ chức Tháng hành động vì trẻ em năm 2024 với chủ đề: “*Hành động thiết thực, ưu tiên nguồn lực cho trẻ em*”; bố trí ngân sách địa phương để xây dựng, nâng cấp các công trình dành cho trẻ em. Tổ chức tốt Tết Trung thu năm 2024; Diễn đàn trẻ em định kỳ.

6. Quan tâm thực hiện Chương trình bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng. Rà soát, xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm đạo đức, pháp luật tác động đến trẻ em, đặc biệt hiện tượng người chưa thành niên lừa đảo trên mạng xã hội, các nội dung hướng dẫn trẻ em các hành vi bạo lực, không an toàn về tính mạng, sức khỏe trên môi trường mạng.

7. Triển khai hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần trẻ em, chăm sóc trẻ em mồ côi, bảo đảm trẻ em được hưởng đầy đủ các chính sách của Nhà nước về hỗ trợ chăm sóc thay thế cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Tăng cường công tác phòng, chống tai nạn thương tích, phòng, chống đuối nước trẻ em. Chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các hoạt động của Chương trình Phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em (Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024); ưu tiên xây dựng bể bơi để tăng tỉ lệ trẻ em được học bơi, học kỹ năng an toàn phòng, chống đuối nước. Thực hiện Đề án Chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng và Đề án Chăm sóc hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng, chú trọng hoàn thiện mạng lưới kết nối dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em khuyết tật.

8. Hướng dẫn đánh giá, xét duyệt và công nhận công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em, phát hiện khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện và báo cáo kết quả về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Phối hợp với Mặt trận tổ quốc Việt Nam tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em" gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".

9. Tăng cường thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật, chính sách về trẻ em; rà soát công tác tự kiểm tra của Ủy ban nhân dân cấp xã, kiểm tra hoạt động các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, việc sử dụng trẻ em tham gia lao động tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình, đặc biệt hộ gia đình trong các làng nghề. Xử lý kịp thời, nghiêm minh, chỉ đạo làm rõ trách nhiệm các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với các vụ việc xâm hại trẻ em, các vụ việc gây tai nạn, thương tích trẻ em, đặc biệt các vụ việc gây tử vong trẻ em.

10. Tiếp tục triển khai thu thập chỉ tiêu thống kê, báo cáo theo Thông tư số 13/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; thực hiện chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu, cập nhật vào phần mềm quản lý thông tin trẻ em từ cơ sở đáp ứng yêu cầu về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về công tác trẻ em. Định kỳ báo cáo kết quả công tác trẻ em 6 tháng trước ngày **20/5/2024** và kết quả năm 2024 trước ngày **20/11/2024**; gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Cục Trẻ em) theo hướng dẫn, biểu mẫu kèm theo Công văn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- TW Đoàn TNCSHCM;
- TW Hội LHPNVN;
- Hội BVQTEVN;
- Các Vụ, đơn vị: KHTC; PC; Thanh tra Bộ; VP Bộ; BDG; Cục BTXH; Cục PCTNXH; Quỹ BTTEVN; VP Làng TE SOS VN; TT CNTT; các báo, tạp chí thuộc Bộ;
- Sở LĐTBXH 63 tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, CTE ⁽⁰⁷⁾.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Hà

Phụ lục 1

(Kèm theo Công văn số 793/LĐTĐXH-TE ngày 29/02/2024
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

MẪU BÁO CÁO (6 tháng và 1 năm)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP...
**SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2024

Số:.....

BÁO CÁO

**Kết quả công tác trẻ em 6 tháng/năm 202..
và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 202../năm 202..**

I. Đặc điểm tình hình

1. Tình hình kinh tế - xã hội tác động đến trẻ em, tình hình trẻ em và công tác trẻ em tại địa phương.
2. Những vấn đề về trẻ em và công tác trẻ em phát sinh hoặc chưa được giải quyết.

II. Kết quả thực hiện

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, giám sát, đánh giá thực hiện quyền trẻ em
2. Công tác bảo vệ trẻ em (ở 3 cấp độ)
3. Công tác chăm sóc trẻ em
4. Công tác giáo dục trẻ em
5. Công tác văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch cho trẻ em
6. Thực hiện quyền tham gia của trẻ em
7. Kết quả các dự án, chương trình, mô hình hợp tác quốc tế hoặc vận động xã hội
8. Hoạt động của Quỹ bảo trợ trẻ em
9. Kinh phí đầu tư cho công tác trẻ em
(Phần số liệu theo phụ lục 1, 2, 3)

III. Đánh giá kết quả đạt được

1. So sánh kết quả, hiệu quả so với cùng kỳ năm 2023
2. Những tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế (quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành, tác động khách quan,...)

IV. Kế hoạch 6 tháng cuối năm 202... hoặc năm 202...

1. Mục tiêu chung
2. Các mục tiêu cụ thể
3. Các chỉ tiêu cần đạt
4. Nội dung các chương trình, đề án, hoạt động trọng tâm và các mô hình tiếp tục thực hiện
5. Dự kiến tổng kinh phí hoạt động.

Nơi nhận:

-
-

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2

(Kèm theo Công văn số **793** /LĐTBXH-TE ngày **29/02/2024**
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

THỐNG KÊ SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC TRẺ EM

Tỉnh/thành phố:.....

Mẫu số 01/TE

Kỳ báo cáo: 2 lần/năm

Ngày báo cáo: 20/5 và 20/11

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2023
I	Dân số trẻ em		
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/tổng dân số	%	
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%	
3	Số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế	Người	
	Trong đó:		
	Số trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế	Người	
4	Số người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	Người	
	Tỷ lệ người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi/tổng dân số	%	
II	Nguồn kinh phí cho lĩnh vực trẻ em		
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng	
1.1	Ngân sách Trung ương (thông qua các Chương trình, Đề án, ...)	Triệu đồng	
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	
	- Sở LĐTBXH (nguồn triển khai thông qua Sở LĐTBXH, bao gồm cả nguồn thực hiện chính sách bảo trợ xã hội cho trẻ em; cấp cho hoạt động của Quỹ BITE cấp tỉnh).	Triệu đồng	
	+ Trong đó: Ngân sách địa phương bố trí cho các Chương trình, Kế hoạch, Đề án của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thông qua Sở LĐTBXH.	Triệu đồng	
	- Thành phố, quận, huyện, thị xã (nguồn triển khai tại cấp huyện, không tính nguồn do cấp tỉnh phân bổ về cho cấp huyện).	Triệu đồng	
	- Xã, phường, thị trấn (nguồn triển khai tại cấp xã, không tính nguồn do cấp tỉnh, huyện phân bổ cho cấp xã)	Triệu đồng	
2	Các nguồn kinh phí vận động khác	Triệu đồng	
2.1	Vận động của Quỹ Bảo trợ trẻ em địa phương (các cấp) (bao gồm kinh phí vận động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước)	Triệu đồng	
2.2	Nguồn từ các tổ chức quốc tế	Triệu đồng	
III	Số người làm công tác trẻ em các cấp		
1	Cấp tỉnh	Người	
2	Cấp huyện	Người	
	Trong đó:	Người	
2.1	Chuyên trách	Người	
2.2	Kiểm nhiệm	Người	
3	Cấp xã	Người	
	Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã	Người	
4	Cộng tác viên tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm	Người	
IV	Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em và trẻ em		

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2023
1	Số lớp và số cán bộ cấp tỉnh/huyện được tập huấn về công tác trẻ em (quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án,... về trẻ em ở địa phương)		
1.1	Số lớp	Lớp	
1.2	Số lượt người	Lượt	
2	Số lớp/số cán bộ cấp xã, cộng tác viên làm công tác trẻ em tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm được tập huấn kỹ năng về thực hiện quyền trẻ em		
2.1	Số lớp	Lớp	
2.2	Số lượt người	Lượt	
3	Số lớp, số trẻ em được tập huấn về quyền trẻ em và kỹ năng tự bảo vệ		
3.1	Số lớp	Lớp	
3.2	Số lượt trẻ em	Lượt	
4	Số tài liệu tập huấn được xây dựng, sử dụng	Đầu tài liệu	
V	Truyền thông, giáo dục và vận động xã hội		
1	Số lượt người được truyền thông trực tiếp về lĩnh vực trẻ em dưới các hình thức	Lượt	
2	Số sản phẩm truyền thông về lĩnh vực trẻ em được sản xuất ở địa phương		
	Trong đó:		
2.1	Số chương trình phát thanh/truyền hình về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	CT	
2.2	Số chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/mạng truyền thông về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	Đầu CT, CM	
3	Số lượng các hoạt động truyền thông khác	Hoạt động/ sự kiện	
VI	Xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em		
1	Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em	Xã/phường/thị trấn	
2	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em	%	
VII	Tháng hành động vì trẻ em		
1	Số điểm tổ chức Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham dự Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà, cấp học bổng, phẫu thuật miễn giảm phí	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em, công trình cho trẻ em trong Tháng hành động vì trẻ em, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách (cấp tỉnh, huyện, xã)	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	
VIII	Diễn đàn trẻ em các cấp		
1	Số diễn đàn trẻ em các cấp (tỉnh, huyện, xã)	Cuộc	
2	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	
IX	Tết Trung thu cho trẻ em		
1	Số điểm tổ chức Tết Trung thu (tỉnh, huyện, xã)	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham gia Tết Trung thu	Lượt	

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2023
3	Số lượt trẻ em được tặng quà	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em trong dịp Tết Trung thu, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách (cấp tỉnh, huyện, xã)	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	
X	Hội đồng nhân dân các cấp gặp mặt trẻ em		
1	Số cuộc Hội đồng nhân dân các cấp gặp mặt trẻ em (tỉnh, huyện, xã)	Cuộc	
2	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	

..... ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo phê duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3

(Kèm theo Công văn số: **793** /LĐTBOXH-TE ngày **29/02/2024**
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

THỐNG KÊ VỀ HỆ THỐNG CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO VỆ TRẺ EM

Tỉnh/thành phố:.....

Mẫu số 03/TE
Kỳ báo cáo: 2 lần/năm
Ngày báo cáo: 25/5 và 20/11

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2024
I	Cấu trúc, tổ chức tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em các cấp		
1	Tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh	Có/không	
2	Số quận, huyện, thị xã, thành phố thành lập tổ chức phối hợp liên ngành cấp huyện	Huyện	
3	Số xã, phường, thị trấn thành lập tổ chức phối hợp liên ngành cấp xã	Xã	
4	Số xã, phường, thị trấn thành lập Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã	Xã	
5	Số xã, phường, thị trấn có mạng lưới cộng tác viên tham gia công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở thôn/ xóm/bản/làng/cụm dân cư	Xã	
II	Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em		
1	Số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp tỉnh (do ngành LĐTBOXH quản lý)		
1.1	<i>Cơ sở có một phần chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ BVTE</i>		
a	<i>Số cơ sở công lập</i>		
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	- Số cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ BVTE	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ (một hoặc nhiều dịch vụ)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
b	<i>Số cơ sở ngoài công lập:</i>		
	- Số cơ sở ngoài công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	- Số cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ BVTE	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ (một hoặc nhiều dịch vụ)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
1.2	<i>Cơ sở có chức năng, nhiệm vụ chuyên biệt cung cấp dịch vụ BVTE</i>		
a	<i>Số cơ sở công lập</i>		
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	- Số cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ BVTE	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ (một hoặc nhiều dịch vụ)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
b	<i>Số cơ sở ngoài công lập:</i>		
	- Số cơ sở ngoài công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	- Số cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ BVTE	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ (một hoặc nhiều dịch vụ)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2024
2	Tổ chức tập huấn/bồi dưỡng kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ (công lập và ngoài công lập)		
	- Số lớp tập huấn/bồi dưỡng	Lớp	
	- Số lượt cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ được tập huấn/bồi dưỡng (công lập và ngoài công lập).	Lượt người	
3	Số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp huyện/tổng số cấp huyện	Cơ sở/Huyện	
4	Số điểm tư vấn cộng đồng	Điểm	
5	Số điểm tư vấn trường học	Điểm	

..... ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo phê duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp	Các hình thức trợ giúp				
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Người	Người	Người	Người	Người
4	Trẻ em sống trong gia đình có người mắc tệ nạn xã hội (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình nghiện ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm)								
5	Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình đang trong thời gian chấp hành xử lý vi phạm hành chính hoặc hình sự)								
6	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ đi làm ăn xa (trẻ em phải sống xa cả cha và mẹ liên tục từ 6 tháng trở lên)								
7	Trẻ em mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ								
IV	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh khác								
Nhóm trẻ em có hoàn cảnh khác chia theo các loại sau:									
1	Trẻ em bị bắt cóc, chiếm đoạt, đánh tráo								
2	Trẻ em bị tai nạn thương tích								
2.1	Số trẻ em bị tai nạn thương tích								
2.2	Số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích								
	+ Trong đó: Số trẻ em tử vong do đuối nước								
	Số trẻ em tử vong do tai nạn giao thông								

..... ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu

Lãnh đạo phê duyệt

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp	Các hình thức trợ giúp				
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Người	Người	Người	Người	Người
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)